

DẠY HỌC HỢP TÁC – MỘT XU HƯỚNG MỚI CỦA GIÁO DỤC THẾ KỶ XXI

TRỊNH VĂN BIỂU*

TÓM TẮT

Dạy học hợp tác là một trong những xu hướng mới có nhiều ưu điểm và hiệu quả cao của giáo dục thế kỷ XXI. Có thể coi Dạy học hợp tác là những phương pháp dạy học mang tính tập thể, trong đó có sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân và kết quả là người học tiếp thu được kiến thức thông qua các hoạt động tương tác khác nhau giữa người học với người học, giữa người học với người dạy, giữa người học và môi trường.

ABSTRACT

Cooperative teaching - a new educational trend of the 21st century education

Cooperative teaching is one of the new educational trends in the 21st century with many advantages and high efficiency. It can be considered as the teaching methods of collective characteristics with mutual supports, help each other between individuals; as a result, learners acquire knowledge via different mutual activities between learners with learners, between learners with teachers, and between learners and the environment.

George Bernard Shaw, nhà soạn kịch nổi tiếng người Anh, từng đoạt giải Nobel Văn học đã nói: “Bạn có một quả táo, tôi có một quả táo, chúng ta trao đổi với nhau thì bạn và tôi mỗi người có một quả táo. Nhưng nếu bạn có một ý tưởng, tôi có một ý tưởng và chúng ta trao đổi ý tưởng cho nhau, thì tôi và bạn mỗi người có hai ý tưởng”.

Phát triển tư tưởng của Bernard Shaw, Dạy học hợp tác đã và đang là một trong những xu hướng phát triển mới có nhiều ưu điểm và hiệu quả cao của giáo dục thế kỷ XXI. Dạy học hợp tác góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, nó không chỉ giúp cho người học nắm vững kiến thức mà còn phát triển năng lực giao tiếp và khả năng hợp tác – một trong những phẩm chất cần thiết

quan trọng của con người mới trong giai đoạn hiện nay.

1. Quá trình hình thành của dạy học hợp tác

John Dewey, nhà giáo dục theo xu hướng thực dụng Mỹ, được coi là người đầu tiên khởi xướng ra xu thế dạy học hợp tác vào đầu những năm 1900. Nếu như trước đây người ta quan niệm giáo dục là quá trình truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm, hoặc một quá trình khai sáng giúp cho con người sử dụng có hiệu quả vốn kiến thức của mình; thì John Dewey lại có một quan niệm khá độc đáo: giáo dục là chính bản thân cuộc sống của mỗi người (Education is life itself). Ông luôn nhấn mạnh vai trò của giáo dục và coi giáo dục như là một phương tiện dạy cho con người cách sống hợp tác trong một xã hội dân chủ.

Từ những năm 1930, nhà tâm lý học xã hội Kurt Lewin (Đức – Mỹ) đã tạo nên

* PGS TS, Khoa Hóa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM

một dấu ấn mới trong lịch sử phát triển của tư tưởng giáo dục hợp tác. Khi nghiên cứu hành vi của các nhà lãnh đạo và thành viên ở các nhóm dân chủ, ông đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của “cách thức cư xử trong nhóm”. Sau đó, Mornton Deutsch, một học trò của Lewin, đã phát triển “lí luận về hợp tác và cạnh tranh” trên cơ sở những lí luận nền tảng của Lewin.

Elliot Aronson (Mỹ) với mô hình lớp học Jigsaw đầu tiên (1978) đã có những đóng góp lớn trong việc hoàn thiện các hình thức dạy học hợp tác. Nhiều công trình nghiên cứu của ông cho thấy rằng, thành tích cá nhân cũng như tập thể luôn luôn cao hơn khi mọi người hợp tác với nhau thay vì ganh đua. Bởi vì kết quả cạnh tranh khiến cho một người thành công trên thất bại của người khác và đương nhiên điều đó làm giảm hiệu quả làm việc; mặt khác môi trường cạnh tranh chú trọng vào việc thúc đẩy người ta làm việc xuất sắc hơn người khác, chứ không phải là cùng nhau làm việc tốt.

Theo Alfie Koln, nguyên nhân khiến cho hợp tác luôn đem lại kết quả cao hơn so với cạnh tranh, là vì tư tưởng cạnh tranh (chỉ có được hoặc mất) sẽ làm người ta căng thẳng và lo lắng nhiều hơn trong cuộc đua; còn trong môi trường hợp tác, mọi người đều muốn làm việc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng đạt được mục đích.

Với rất nhiều công trình nghiên cứu từ năm 1981 đến 1989 về giáo dục hợp tác, D. W.Johnson, Roger T.Johnson và các cộng sự của mình đã nhận thấy rằng giáo dục hợp tác có nhiều khả năng tạo

nên thành công hơn các hình thức giáo dục khác (từ tiểu học đến phổ thông trung học). Đến năm 1996, lần đầu tiên phương pháp dạy học hợp tác được đưa vào chương trình học chính thức hàng năm của một số trường đại học ở Mỹ.

J. Cooper, và các tác giả khác (1990) cho rằng: học tập hợp tác là một chiến lược học tập có cấu trúc, có chỉ dẫn một cách hệ thống, được thực hiện cùng nhau trong các nhóm nhỏ, nhằm đạt được nhiệm vụ chung.

Theo D. W.Johnson, Roger T.Johnson & Holubec (1998): học tập hợp tác là toàn bộ những hoạt động học tập mà học sinh thực hiện cùng nhau trong các nhóm, trong hoặc ngoài phạm vi lớp học. Có 5 đặc điểm quan trọng nhất mà mỗi một giờ học hợp tác phải đảm bảo được: Sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực; ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân; sự tác động tương hỗ; Các năng lực xã hội; đánh giá trong các nhóm. Những năm gần đây, David W.Johnson và Roger T.Johnson thuộc trường Đại học Minnesota, Robert Slavin thuộc viện Johns Hopkins cùng với nhiều nhà nghiên cứu khác đã phát triển giáo dục hợp tác thành một trong những phương pháp dạy học hiện đại nhất hiện nay.

2. Khái niệm dạy học hợp tác

Hợp tác là cùng nhau làm việc, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc hay một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung. Cơ sở tâm lí-xã hội học của dạy học hợp tác là:

- Mỗi người đều có những điểm mạnh và những hạn chế nhất định. Hợp

tác sẽ giúp người ta hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh mới về vật chất, trí tuệ, tinh thần ...

- Con người vốn có tính tự trọng, muốn được người khác đánh giá cao, vì vậy trước tập thể họ thường cố gắng để thể hiện bản thân.

- Trong xã hội hiện đại, con người thường phụ thuộc, chịu sự ràng buộc lẫn nhau ở những mức độ nhất định.

Hiện nay, có hai quan niệm về dạy học hợp tác: 1) Dạy học hợp tác là một tư tưởng mang tính định hướng và 2) Dạy học hợp tác là một phương pháp dạy học.

2.1. Quan niệm Dạy học hợp tác là một tư tưởng mang tính định hướng

Theo mô hình ba bình diện của Bernd Meier thì phương pháp dạy học (PPDH) gồm ba thành phần chính là: quan điểm dạy học, PPDH cụ thể và kỹ thuật dạy học.

a. Bình diện vĩ mô - Quan điểm dạy học: là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp những nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học, những điều kiện dạy học cũng như những định hướng về vai trò của người dạy và người học trong quá trình dạy học. Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của PPDH.

b. Bình diện trung gian - PPDH cụ thể: là những hình thức, cách thức hành động của người dạy và người học nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với nội dung và những điều kiện dạy học cụ thể. PPDH cụ thể

quy định những mô hình hành động của người dạy và người học.

c. Bình diện vi mô - Kỹ thuật dạy học: là những biện pháp, cách thức hành động của người dạy và người học trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật dạy học chưa phải là các PPDH độc lập, mà là những thành phần của PPDH. Kỹ thuật dạy học được hiểu là đơn vị nhỏ nhất của PPDH. Trong thực tế, sự phân biệt giữa kỹ thuật và PPDH chỉ có tính tương đối và nhiều khi không rõ ràng.

Vận dụng mô hình ba bình diện của Bernd Meier vào thực tế dạy học hiện nay, chúng ta thấy rằng có thể đưa ra các ví dụ về các quan điểm dạy học như: Dạy học lấy học sinh làm trung tâm; Dạy học tích cực; Dạy học hợp tác; Dạy học theo hướng sử dụng đa dạng các phương pháp; Dạy học gắn với thực tiễn; Dạy học hoạt động hóa người học ...

Theo mô hình trên, một quan điểm dạy học có thể bao hàm nhiều PPDH. Ví dụ, quan điểm dạy học tích cực bao hàm các PPDH: nghiên cứu, đàm thoại, dạy học tình huống, dạy học nêu vấn đề...; quan điểm dạy học hợp tác bao hàm các PPDH như: thảo luận nhóm, seminar, dạy học theo dự án ...; quan điểm dạy học gắn với thực tiễn bao hàm các PPDH như: sắm vai, dạy học theo dự án, dạy học tình huống ...

Mặt khác, một PPDH có thể thuộc nhiều quan điểm dạy học khác nhau. Ví dụ: phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp đàm thoại vừa thuộc quan điểm dạy học hợp tác, lại vừa thuộc quan

điểm dạy học tích cực; phương pháp dạy học tình huống, dạy học theo dự án vừa thuộc quan điểm dạy học tích cực, lại vừa thuộc quan điểm dạy học gắn với thực tiễn...

Như vậy, có thể coi Dạy học hợp tác là những phương pháp dạy học mang tính tập thể, trong đó có sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các cá nhân và kết quả là người học tiếp thu được kiến thức thông qua các hoạt động tương tác khác nhau: giữa người học với người học, giữa người học với người dạy, giữa người học và môi trường.

2.2. Quan niệm Dạy học hợp tác là một phương pháp dạy học

Theo quan niệm Dạy học hợp tác là một phương pháp dạy học, người ta coi Dạy học hợp tác là một phương pháp dạy học phức hợp ứng với một nhóm người học (phương pháp dạy học theo nhóm) và một số người thường dùng cụm từ “Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm”.

3. Những đặc trưng của dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác có những điểm đặc trưng sau:

3.1. Làm việc tập thể trên cơ sở cùng hướng đến một mục tiêu chung

Tất cả các mô hình của dạy học hợp tác đều dưới dạng tổ chức nhóm hoặc tổ chức lớp học. Dạy học hợp tác đòi hỏi sự cộng tác giữa các thành viên, khác với kiểu học cá nhân (tự học hoặc một thầy một trò).

3.2. Sự tác động tương hỗ qua lại trực tiếp giữa các thành viên

Trong dạy học hợp tác các thành viên tương tác trực tiếp với nhau theo mối quan hệ hai chiều, không qua trung gian.

3.3. Đặt người học vào vị trí chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm kiến thức

Dạy học hợp tác tạo điều kiện cho người học chuyển từ vị trí thụ động tiếp thu kiến thức sang chủ động tìm tòi, khám phá kiến thức. Người học sẽ làm việc tích cực hơn, cố gắng cao hơn bình thường.

3.4. Không khí học tập thân thiện, thoải mái, dễ chịu, vui vẻ

Khi trao đổi, làm việc với bạn, người học sẽ cảm thấy tự nhiên, thoải mái, ít áp lực hơn khi tiếp xúc với thầy. Người học dễ thể hiện bản thân, dễ nói lên các cảm xúc, suy nghĩ của mình hơn.

3.5. Đòi hỏi các thành viên có ý thức trách nhiệm, tính tổ chức và sự tự giác cao

Để dạy học hợp tác thành công, điều kiện bắt buộc với mỗi thành viên là phải có ý thức trách nhiệm, tính tổ chức và sự tự giác cao.

3.6. Tạo điều kiện tốt cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp và khả năng hợp tác

Dạy học hợp tác tạo môi trường lý tưởng cho người học phát triển kỹ năng giao tiếp và khả năng hợp tác. Các phương pháp dạy học cá nhân không thể có được khả năng quan trọng này. Khi tham gia dạy học hợp tác người học phải sử dụng nhiều kỹ năng giao tiếp xã hội, vì vậy các kỹ năng này sẽ được rèn luyện, củng cố và phát triển.

3.7. *Kết quả học tập thu được lớn hơn và đa dạng hơn*

Dạy học hợp tác đem lại kết quả nhiều hơn và lớn hơn những mô hình dạy học khác nhờ nó phát huy được tính tích cực, mặt mạnh của mỗi cá nhân và trí tuệ của tập thể. Mỗi người đều có điểm mạnh riêng trong một lĩnh vực nào đó, nếu phối hợp lại với nhau thì sẽ đem lại những kết quả lớn hơn bình thường. Ngoài ra dạy học hợp tác còn giúp cho người học có khả năng giao tiếp và nhiều phẩm chất nhân cách khác.

4. Những ưu điểm và hạn chế của dạy học hợp

4.1. Ưu điểm

1) Dạy học hợp tác tạo điều kiện tốt cho mọi học viên có cơ hội: tham gia hoạt động, giao tiếp, rèn luyện kỹ năng ... Người học còn có điều kiện tiếp xúc với nhiều nhiều nguồn thông tin khác nhau (thầy, bạn), có thể học hỏi lẫn nhau, thấy được nhiều mặt của một vấn đề.

2) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học: đặt người học vào một môi trường học tập mà ở đó mọi thành viên phải nỗ lực, cố gắng phát huy hết năng lực, sở trường của bản thân. Tạo ra nhu cầu học tập qua sự giao tiếp, so sánh bản thân với các thành viên khác trong tập thể: khi nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình, thấy mình cần học hỏi thêm những gì. Dạy học hợp tác làm cho người học nỗ lực nhiều hơn, tích cực nhiều hơn.

3) Người học được rèn luyện các kỹ năng: diễn đạt, trình bày ý kiến cá

nhân, kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu người khác.

4) Người học được hình thành các phẩm chất nhân cách cần thiết trong các quan hệ xã hội: tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật, đoàn kết, tự tin... Mỗi người đều có thể học cách làm việc cùng nhau.

5) Tận dụng được năng lực và trí tuệ tập thể, giúp người học giải quyết được nhiều khó khăn phức tạp nhờ sự tổng hợp những ý kiến, phương án giải quyết vấn đề khác nhau.

6) Tạo một không khí học tập thân thiện, vui vẻ, thoải mái. Trong bầu không khí này, người học sẽ có cảm giác hứng thú, tăng sức chịu đựng, làm việc lâu mệt mỏi.

7) Tạo điều kiện tốt cho việc phát triển các mối quan hệ tình cảm giữa các cá nhân và xây dựng một tập thể đoàn kết trên cơ sở hướng đến những mục đích chung.

8) Hiệu quả làm việc của dạy học hợp tác cao hơn một số hình thức dạy học khác. Kết quả học tập ở đây không chỉ là kiến thức, kỹ năng mà còn là khả năng hòa nhập, hợp tác.

4.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm lớn ở trên, dạy học hợp tác cũng có một số hạn chế mà chúng ta cần phải nắm được để có biện pháp khắc phục. Đó là:

1) Dạy học hợp tác đòi hỏi phải có thời gian và không gian thích hợp.

2) Dạy học hợp tác không thích hợp với những bài học nội dung đơn giản, không cần phải huy động đến trí tuệ của tập thể.

3) Dạy học hợp tác không thích hợp với các lớp học có sĩ số đông vì người dạy sẽ rất khó bao quát lớp.

4) Đòi hỏi người dạy phải có vốn kiến thức sâu rộng và năng lực giao tiếp tốt. Người dạy sẽ gặp nhiều khó khăn khi kiến thức chuyên môn hạn hẹp và ít kinh nghiệm tổ chức các hoạt động tập thể.

5) Nếu không tổ chức tốt dễ có tình trạng những thành viên khá giỏi giữ vai trò lấn át, một số khác ỷ lại không chịu làm việc, dựa dẫm ăn theo.

6) Hiệu quả học tập phụ thuộc hoạt động của các thành viên, nếu trong nhóm có học viên bất hợp tác thì hiệu quả sẽ thấp.

5. Những kinh nghiệm để dạy học hợp tác thành công

1) Số lượng các thành viên trong nhóm cần phù hợp với nhiệm vụ được giao.

2) Bước đầu cần giúp cho người học nhận thức được lợi ích của việc hợp tác và việc mở rộng các mối quan hệ trong cuộc sống. Bước tiếp theo là từ nhận thức chuyển hóa thành nhu cầu và

động cơ hành động để tự giác và tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể.

3) Giảng viên ngoài trình độ chuyên môn còn cần có năng lực và kinh nghiệm hoạt động nhóm đặc biệt là khả năng tổ chức, điều khiển tốt.

4) Giảng viên cần theo dõi và bám sát các nhóm để hỗ trợ kịp thời khi cần thiết.

5) Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể và phù hợp cho mỗi thành viên, tạo điều kiện cho mọi thành viên đều có cơ hội hoạt động và phát huy năng lực, sở trường của bản thân.

6) Các thành viên cần phải tôn trọng, ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau; cần có tinh tổ chức và tinh thần trách nhiệm cao.

7) Một số người học (năng lực hạn chế, nhút nhát, ít có dịp giao tiếp tập thể...) có thể sẽ gặp khó khăn khi tham gia dạy học hợp tác. Vì vậy, giáo viên cần quan tâm hơn đến việc giúp họ vượt qua các rào cản tâm lí.

8) Đảm bảo có chỗ ngồi thích hợp cho các nhóm làm việc và cung cấp đủ tài liệu cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2005), “Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới”, *Tài liệu hội thảo tập huấn*, Dự án phát triển giáo dục THPT, Hà Nội.
2. David W. Johnson, Roger T. Johnson, Holubec (1994), “Cooperative Learning in The Classroom”, *Association For Supervision and Curriculum Development Alexandria Virginia*.
3. Elizabeth G. Cohen, Cleste M. Brody, Mara Sapon – Shevin (2004), *Teaching Cooperative Learning*, State University of New York Press, Albany.
4. <http://edtech.kennesaw.edu/intech/cooperativelearning.htm>.